

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 06 - 2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Thanh

2. Ông Võ Thành Bê

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang: Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 06 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “ Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1975 (Có mặt)

* Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp C G, xã Đ H B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng A bày và yêu cầu như sau:

Ông Nguyễn Hoàng A và Bà Trần Thị T chung sống với nhau vào năm 1993, không đăng ký kết hôn. Chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cá tính sinh hoạt đời sống hàng ngày trong gia đình và cách ứng xử không phù hợp nhau, vợ chồng không dàn xếp được nên mâu thuẫn ngày càng xảy ra trầm trọng và đã thỏa thuận ly hôn.

Về con chung: Ông A xác định, ông và bà T có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1994; Nguyễn Hoàng Th, sinh năm 1998, Nguyễn Thị Cẩm Đ, sinh ngày 07/7/2003. Các con chung đều đã thành niên và có gia đình riêng nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung: Không tranh chấp.

Về nợ chung: Không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Ông A yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề cụ thể như sau:

Về tình cảm vợ chồng: Ông A xin được ly hôn với bà T;

Về con chung: Các con chung đã thành niên và có gia đình riêng nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp tài sản chung, không nợ ai nên không yêu cầu xem xét.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt, không có lời trình bày.**

*** Tại phiên tòa:** Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng A giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt, không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Hoàng A và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng; về con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được, về tài sản không tranh chấp, về nợ không có, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn bà Nguyễn Thị T, nhưng bà Nguyễn Thị T đều vắng mặt không lý do, nên được xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ lấy lời khai bà T nhưng bà T thường hay vắng mặt tại nơi cư trú nên việc tiến hành lấy lời khai đối với bà T không có kết

quả. Ngày 28/4/2021 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự và tổng đạt hợp lệ cho bà T nhưng bà T vắng mặt lần thứ nhất không lý do nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho bà T nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng A và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau vào năm 1993, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*UBND xã nơi một trong hai người cư trú*). Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (*có hiệu lực ngày 01/01/2015*) nên thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng*” và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình quy định “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*”. Do đó, nay ông A có yêu cầu ly hôn với bà T, thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Hoàng A và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Xác định, ông A và bà T có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1994; Nguyễn Hoàng Th, sinh năm 1998, Nguyễn Thị Cẩm Đ, sinh ngày 07/7/2003. Xét thấy các con chung của ông A và bà T đều đã thành niên và đã có gia đình ở riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ: Không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227 Điều 147; Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Hoàng A và Nguyễn Thị T.

- *Về con chung*: Các con chung của ông Nguyễn Hoàng A và bà Nguyễn Thị T đều đã thành niên và đã có gia đình ở riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung*: Không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí*: Ông Nguyễn Hoàng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số: 0006075 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Ông A đã nộp xong.

- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- UBND xã Đ H B;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới

